

CÔNG TY CỔ PHẦN ZULINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ZULINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ZULINH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ZLI.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108001175

3. Ngày thành lập: 27/09/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 32, ngõ 90 phố Yên Lạc, đường Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
2.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
3.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
4.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
5.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
6.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
7.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
8.	Sản xuất sợi	1311
9.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
10.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
11.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
12.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
14.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
15.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
16.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
17.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
18.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
19.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
20.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430

21.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
22.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
23.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
24.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
25.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
26.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
27.	In ấn	1811
28.	Sao chép bản ghi các loại	1820
29.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
30.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
31.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
32.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
33.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
34.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
35.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
36.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
37.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
38.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
39.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
40.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
41.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
42.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
43.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
44.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
45.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
46.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
47.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
48.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
49.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
50.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

51.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
52.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
53.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ kinh doanh động vật sống)	4620
54.	Bán buôn tổng hợp	4690
55.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
56.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
57.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
58.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
59.	Dịch vụ đóng gói	8292
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
61.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
62.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
63.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
64.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
65.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
66.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
67.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
68.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
69.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
70.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
71.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
72.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
73.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
74.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
75.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
76.	Sản xuất nhạc cụ	3220
77.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
78.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
79.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
80.	Bán buôn gạo	4631
81.	Bán buôn thực phẩm	4632
82.	Bán buôn đồ uống	4633

83.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
84.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
85.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
86.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
87.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
88.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
89.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
90.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
91.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
92.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
93.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
94.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
95.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
96.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
97.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
98.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
99.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
100.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
101.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
102.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
103.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
104.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
105.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
106.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
107.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

108.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
109.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
110.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
111.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
112.	Xây dựng nhà các loại	4100
113.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
114.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
115.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
116.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
117.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ (trừ kinh doanh vàng miếng) Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
118.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590
119.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
120.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
121.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
122.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng)	4662
123.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

124.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
125.	Bốc xếp hàng hóa	5224
126.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
127.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
128.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
129.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
130.	Cho thuê xe có động cơ	7710
131.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
132.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
133.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
134.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
135.	Đại lý du lịch	7911
136.	Điều hành tua du lịch	7912
137.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
138.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
139.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
140.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
141.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
142.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
143.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
144.	Xây dựng công trình công ích	4220
145.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
146.	Phá dỡ	4311
147.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
148.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
149.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

150.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy	4329
151.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
152.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
153.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
154.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
155.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
156.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
157.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
158.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
159.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
160.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
161.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
162.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
163.	Xuất bản phần mềm	5820
164.	Hoạt động hậu kỳ	5912
165.	Lập trình máy vi tính	6201
166.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
167.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
168.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
169.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
170.	Quảng cáo	7310

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG NGỌC LAN	Tổ Luộc 1, Thị Trấn Vĩnh Lộc, Huyện Chiêm Hoá, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	340.000	3.400.000.000	50,000	070814071	
			Tổng số	340.000	3.400.000.000	50,000		
2	HOÀNG THỊ KÍU	Tổ Luộc 4, Thị Trấn Vĩnh Lộc, Huyện Chiêm Hoá, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	170.000	1.700.000.000	25,000	070368151	
			Tổng số	170.000	1.700.000.000	25,000		
3	HOÀNG DIỆU LINH	Tổ Luộc 1, Thị Trấn Vĩnh Lộc, Huyện Chiêm Hoá, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	170.000	1.700.000.000	25,000	070924238	
			Tổng số	170.000	1.700.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG NGỌC LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 11/09/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 070814071

Ngày cấp: 18/03/2006

Nơi cấp: Công an Tuyên Quang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ Luộc 1, Thị Trấn Vĩnh Lộc, Huyện Chiêm Hoá, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ Luộc 1, Thị Trấn Vĩnh Lộc, Huyện Chiêm Hoá, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội